TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **11**/2022/HS-ST
Ngày 24/02/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Hồng Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Hữu Lượng - Nguyên giáo viên

2. Ông Nguyễn Danh Long - Nguyên giáo viên

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Th. Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 80/2022/TLST-HS, ngày 07 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2022/HSST- QĐ ngày 19/05/2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 07/8/2002 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Đức H. (đã chết) và bà Trần Thị Đ, sinh năm 1974; vợ con: Chưa có; Anh chị em ruột: 02 người, bị cáo là con thứ hai; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/11/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

2. Nguyễn Văn Th, sinh ngày 31/5/2005, tại huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; trình độ văn hóa: 06/12; con ông : Nguyễn Văn H1, sinh năm 1965; con bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1977; vợ con: chưa có; Anh chị em ruột: 02 người, bị cáo là con thứ nhất. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Th.: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1977 - mẹ đẻ của bị cáo.

Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị N. - Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Tuyên Quang (có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án).

** Bị hại:*

1. Bà **Trương Thị Ch,** sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

2. Anh **Vũ Như T,** sinh năm 2006

Người đại diện hợp pháp của anh T.: Ông Vũ Văn Tr, sinh năm 1976 - bố đẻ của anh T.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (đều có mặt)

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh **Trịnh Đình P,** sinh năm 2000

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt).

2. Anh **Lê Văn Th,** sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 24 tháng 11 năm 2021, bị cáo Nguyễn Mạnh H. đến cửa hàng Internet Tr, thuộc thôn B, xã S, huyện S. chơi điện tử, tại đây H. gặp Nguyễn Văn Th. Khoảng 23 giờ cùng ngày, sau khi chơi điện tử xong Th. và H. về nhà Th. ngủ.

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 25/11/2021, sau khi ngủ dậy, H. hỏi vay tiền Th. để trả nợ. Do không có tiền Th. đèo H. bằng xe đạp đến nhà bạn là Vũ Như T. để vay tiền. Khoảng 09 giờ cùng ngày đến nơi, thấy cửa không khóa, Th. mở cửa vào trong nhà gọi tên Thuần nhưng không có ai trả lời. Cả hai phát hiện trên đầu giường đặt tại phía bên phải phòng khách có 01 điện thoại di động Iphone 6, vỏ màu vàng, bộ nhớ trong 16GB, bên trong có 01 sim Viettel của Vũ Như T. và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme C11, vỏ màu xanh, bộ nhớ trong 32GB, bên ngoài có ốp nhựa màu trắng, bên trong có 01 sim Viettel của bà Trương Thị Ch. Cả hai ra ngoài sân nói chuyện thì nảy sinh ý định trộm cắp điện thoại, Th. hỏi H. "có hai điện thoại có lấy không?", H. trả lời "thích thì lấy, tao trông cho", Th. đi vào nhà trộm cắp 02 chiếc điện thoại và đi ra. H. hỏi "cầm chưa", Th. trả lời "cầm rồi". Sau đó Th. chở H. đi ra khu vực Cầu T, xã T, huyện S. Trên đường đi cả hai bàn bạc bán chiếc điện thoại Realme C11 để H. lấy tiền trả nợ còn chiếc điện thoại Iphone 6 để Th. sử dụng. Xong H. cầm 02 chiếc điện thoại, lấy chiếc Realme C11 ra tháo ốp, bẻ gãy sim vứt xuống cống rồi cùng Th. đến cửa Th.ng mua bán điện thoại của anh Trịnh Đình P. bán chiếc điện thoại Realme C11 được 1.500.000 đồng (anh P. không biết điện thoại do H. trộm cắp mà có). H. cầm tiền ra quầy bán rong của anh Lê Văn Th. mua 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu Quartz Q17 với giá 180.000 đồng, trả nợ cho một người tên Tùng (không xác định được họ, địa chỉ) số tiền 900.000 đồng. Sau đó các

bị cáo Th. và H. vào quán Internet chơi điện tử. Khi đang chơi thì Công an xã S, huyện S. đến mời cả hai bị cáo về trụ sở làm việc.

Tại kết luận định giá tài sản số 105/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 26/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Sơn Dương kết luận: Chiếc điện thoại Iphone 6 trị giá 1.000.000 đồng; chiếc điện thoại nhãn hiệu Realme C11 trị giá 1.500.000 đồng; sim điện thoại nhà mạng Viettel 50.000 đồng/1 cái x 2 cái = 100.000 đồng; ốp điện thoại Realme C11 trị giá 48.750 đồng. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 2.648.750 đồng (hai triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Từ nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 12/CT-VKSSD ngày 18 tháng 01 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang đã truy tố các bị cáo Nguyễn Mạnh H. và Nguyễn Văn Th. về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Mạnh H, Nguyễn Văn Th. phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, 58 - Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh H. từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36, 58, 90, 91, 100 - Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th. từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 48 - Bộ luật Hình sự; Điều 106 - Bộ luật Tố tụng hình sự. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Mạnh H. chiếc đồng hồ Quartz Q17 và 60.000 đồng; Trả cho anh Trịnh Đình P. số tiền 420.000 đồng.

Về dân sự, áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự: Các bị cáo có nghĩa vụ trả cho anh Trịnh Đình P. số tiền 1.080.000 đồng (một triệu không tám mươi nghìn đồng). Số tiền trên các bị cáo đã tự nguyện nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương được thể hiện tại biên lai thu tiền ngày 24/02/2022. Ghi nhận các bị cáo đã trả xong tiền cho anh P.

Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo và buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Mạnh H, Nguyễn Văn Th. đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung cáo trạng truy tố đối với các bị cáo; Các bị cáo nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, không có ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến gì để bào chữa cho hành vi phạm tội của mình. Khi nói lời sau cùng các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo H. đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất, bị cáo Th. không có ý kiến gì.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Th. trình bày lời bào chữa thể hiện quan điểm nhất trí với tội danh và điều luật Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo trong quá trình điều tra và

tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tác động gia đình bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả; bị cáo là người dưới 18 tuổi phạm tội nên nhận thức pháp luật hạn chế, để cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Bộ luật hình sự. Đề nghị xử bị cáo Th. mức án 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Th. trình bày: Nhất trí về tội danh và điều luật như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương truy tố với bị cáo, nhất trí lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, là người chưa đủ 18 tuổi phạm tội để xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

Bị hại bà Trương Thị Ch. trình bày: Ngày 25/11/2021 bà có bị mất 01 điệc thoại di động nhãn hiệu Realme C11 màu xanh, bộ nhớ trong 32GB, bên ngoài có bọc ốp lưng màu trắng trong có 01 sim điện thoại nhà mạng Viettel. Về dân sự bà đã nhận lại được tài sản nên không yêu cầu bồi thường gì thêm. Về Hành vi của các bị cáo đề nghị HĐXX xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

Anh Vũ Như T. trình bày: Ngày 25/11/2021 anh có bị mất 01 điệc thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng, bộ nhớ trong 16GB, trong có 01 sim điện thoại nhà mạng Viettel. Về dân sự anh đã nhận lại được tài sản nên không yêu cầu bồi thường gì thêm. Về hành vi của các bị cáo đề nghị HĐXX xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trịnh Đình P. khai tại cơ quan điều tra (BL từ số 111 - 112) thể hiện: Ngày 25/11/2021 anh có được mua 01 điện thoại nhãn hiệu Realme C11 màu xanh, bộ nhớ trong 32GB của Nguyễn Mạnh H. với giá 1.500.000 đồng. Khi mua anh không biết điện thoại là tài sản do H. trộm cắp mà có. Chiều cùng ngày 25/11/2021 anh được Cơ quan Công an thông báo điện thoại trên do phạm tội mà có nên đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan Công an. Nay anh yêu cầu các bị cáo phải bồi thường trả lại cho anh số tiền mua điện thoại là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Anh Lê Văn Th. khai tại cơ quan điều tra (BL từ số 113 - 114) thể hiện: Ngày 25/11/2021 anh có được bán cho Nguyễn Mạnh H. 01 chiếc đồng hồ nhãn hiệu Quartz Q17 với giá 180.000 đồng, anh đã giao đồng hồ và H. đã trả tiền cho anh xong, việc mua bán là tự nguyện và đã hoàn thành. Khi mua bán, anh không biết số tiền mua đồng hồ là tiền do bán tài sản trộm cắp mà có. Vì vậy, nếu H. trả lại đồng hồ cho anh thì anh đồng ý trả lại số tiền 180.000 đồng cho H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về Hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Mạnh H. và bị cáo Nguyễn Văn Th. tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và cáo trạng truy tố đối với các bị cáo. Hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh qua biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy,

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 25/11/2021, tại Thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Các bị cáo Nguyễn Mạnh H. và Nguyễn Văn Th. đã có hành vi trộm cắp 01 điện thoại di động Iphone 6, vỏ màu vàng, bộ nhớ trong 16GB và 01 sim nhà mạng Viettel, tổng trị giá 1.050.000 đồng của Vũ Như T.; trộm cắp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme C11, vỏ màu xanh, bộ nhớ trong 32GB, 01 ốp nhựa màu trắng, 01 sim nhà mạng Viettel, tổng trị giá 1.598.750 đồng của bà Trương Thị Ch. Tổng giá trị tài sản các bị cáo trộm cắp là 2.648.750 đồng (hai triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, vì không có tiền chi tiêu cá nhân nên đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản để bán lấy tiền, giá trị tài sản bị chiếm đoạt đủ định lượng cấu thành tội phạm. Hành vi của các bị cáo được thực hiện dưới hình thức lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương truy tố các bị cáo về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật và có cơ sở, cần chấp nhận.

[2]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tác động gia đình tự nguyện bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khắc phục hậu quả. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng cho các bị cáo để lên mức án cho phù hợp.

[3]. Về mức án đối với các bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của chủ sở hữu để trộm cắp. Hành vi đó đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây bất bình trong quần chúng nhân dân và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần có mức án nghiêm khắc tương xứng hành vi phạm tội mới cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Trong vụ án này các bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, không có tổ chức, hành vi trộm cắp là bột phát, trong đó bị cáo Th. là người trực tiếp thực hiện Hành vi trộm cắp, bị cáo H. là người canh gác, trực tiếp bán và sử dụng số tiền bán tài sản trộm cắp nên vai trò hai bị cáo ngang nhau. Các bị cáo đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Căn cứ quy định tại Nghị quyết số 02/2018/HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì các bị cáo có đủ điều kiện cho hưởng án treo. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo Nguyễn Mạnh H. đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang nhưng thường xuyên không có mặt ở địa phương. Bị cáo hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang với thời gian tạm giam đã được 03 tháng, việc cho bị cáo hưởng án treo sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của bị cáo khi buộc bị cáo phải chấp hành thời gian thử thách trong một thời hạn nhất định mới thi hành xong hình phạt chính trong khi buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù thì chỉ cần chấp hành thêm một thời gian ngắn là bị cáo đã thi hành xong hình phạt chính. Do vậy, theo nguyên tắc xét xử theo hướng có lợi cho người phạm tội

cần buộc bị cáo H. chấp hành hình phạt tù với mức hình phạt khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp.

Bị cáo Nguyễn Văn Th. khi phạm tội mới được 16 tuổi 05 tháng 25 ngày, là trẻ vị thành niên phạm tội nên tâm sinh lý chưa phát triển đầy đủ, khả năng nhận thức pháp luật và tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội còn hạn chế, cần áp dụng chế tài người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại Điều 90, 91, 100 - Bộ luật Hình sự đối với bị cáo để cho bị cáo được cải tạo không giam giữ tại địa phương cũng đủ.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử xét mức án mà đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa đề nghị là phù hợp nên chấp nhận.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo H. không có tài sản, không có thu nhập; bị cáo Th. là người dưới 18 tuổi phạm tội, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo và miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Th. trong thời gian chấp hành hình phạt.

[5]. Về vật chứng: Ngày 25/11/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện Sơn Dương đã tạm giữ 01 điện thoại di động Iphone 6, vỏ màu vàng, bộ nhớ trong 16GB và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme C11, vỏ màu xanh, bộ nhớ trong 32GB. Ngày 16/12/2021 cơ quan CSĐT đã trả lại các điện thoại trên cho chủ sở hữu là bà Trương Thị Ch. và anh Vũ Như T, do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Thu giữ 01 chiếc đồng hồ nhãn hiệu Quartz Q17, được đựng trong 01 phong bì có dán niêm phong. Tại phiên tòa bị cáo H. xác định đây là đồng hồ bị cáo mua của anh Lê Văn Th, bị cáo đã trả tiền cho anh Th. nên đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo chiếc đồng hồ trên. Xét đây là tài sản của bị cáo H. nên cần tuyên trả lại cho bị cáo.

Thu giữ số tiền 480.000 đồng (bốn trăm tám mươi nghìn đồng), trong đó có 420.000 đồng là tiền do các bị cáo bán điện thoại di động mà có. Khi mua điện thoại anh Trịnh Đình P. không biết tài sản do phạm tội mà có nên số tiền trên được xác định là tài sản của anh P. cần tuyên trả lại cho anh P. số tiền 420.000 đồng (bốn trăm hai mươi nghìn đồng). Số tiền còn lại 60.000 đồng (sáu mươi nghìn đồng) là tiền của bị cáo H. không liên quan đến việc phạm tội cần tuyên trả lại cho bị cáo.

Số tiền trên hiện đang được tạm gửi tại tài khoản số 3949.0.1064844.00000 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Sơn Dương mở tại Kho bạc nhà nước huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

[6]. Về dân sự: Những người bị hại bà Trương Thị Ch. và anh Vũ Như T. đã nhận lại được tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Trịnh Đình P. yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho anh số tiền mua điện thoại 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng). Tại phiên tòa các bị cáo có quan điểm nhất trí hoàn trả lại số tiền mua điện thoại cho anh P. theo yêu cầu của anh P. Xét việc đồng ý trả tiền là tự nguyện, không trái pháp luật nên HĐXX ghi nhận tuyên các bị cáo có nghĩa vụ hoàn trả lại cho anh Trịnh Đình P. số tiền 1.500.000 đồng, trừ đi số tiền anh P. đã được nhận 420.000 đồng (Cơ quan điều tra đã thu giữ và đã tuyên trả cho anh

P.), còn phải trả cho anh P. số tiền 1.080.000 đồng (một triệu không trăm tám mươi nghìn đồng). Cụ thể:

Bị cáo Th. đã tự nguyện nộp số tiền 500.000 đồng được thể hiện qua biên lai thu tiền số 0000915 ngày 24/02/2022 của Chi cục thi Hành án dân sự huyện Sơn Dương.

Bị cáo H. đã tự nguyện nộp số tiền 580.000 đồng được thể hiện qua biên lai thu tiền số 0000914 ngày 24/02/2022 của Chi cục thi Hành án dân sự huyện Sơn Dương (do Phan Văn Bằng nộp thay cho bị cáo H.) là 1.080.000 đồng. Bị cáo H. được nhận lại số tiền chênh lệch 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng).

Ghi nhận các bị cáo đã hoàn trả xong số tiền 1.080.000 đồng cho anh Trịnh Đình P. Anh Trịnh Đình P. được quyền sở hữu, sử dụng số tiền 500.000 đồng do bị cáo Th. trả tại biên lai thu tiền số 0000915 ngày 24/02/2022 của Chi cục thi Hành án dân sự huyện Sơn Dương và 580.000 đồng do bị cáo H. trả tại biên lai thu tiền số 0000914 ngày 24/02/2022 của Chi cục thi Hành án dân sự huyện Sơn Dương.

Quá trình điều tra anh Lê Văn Th. yêu cầu bị cáo H. trả lại đồng hồ cho anh và anh đồng ý trả lại số tiền 180.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo H. xác định đồng hồ đã mua là tài sản của bị cáo, HĐXX đã tuyên trả lại đồng hồ cho bị cáo H. nên anh Th. được quyền sở hữu, sử dụng số tiền bán đồng hồ 180.000 đồng (do bị cáo H. đã trả). Số tiền trên anh H. đang quản lý, sử dụng nên HĐXX không xem xét.

[7]. Về các vấn đề khác: Đối với Trịnh Đình P. khi mua điện thoại di động không biết là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan CSĐT không đề cập xử lý. Do vậy, HĐXX không xem xét.

[8]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sơn Dương, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[9]. Về án phí và quyền kháng cáo:

Các bị cáo Nguyễn Mạnh H, Nguyễn Văn Th, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 - Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Mạnh H, Nguyễn Văn Th. phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, 58 - Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Mạnh H. 06** (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (27/11/2021).

3. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36, 58, 90, 91, 100 - Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Th. 06** (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo tính từ ngày Uỷ ban nhân dân xã được giao giám sát, giáo dục nhận được Quyết định thi Hành án và bản sao bản án.

** Giao bị cáo Nguyễn Văn Th. cho Uỷ ban nhân dân xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án. Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt.*

4. Căn cứ vào Điều 47 - Bộ luật Hình sự; Điều 106 - Bộ luật Tố tụng hình sự

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Mạnh H. 01 chiếc đồng hồ nhãn hiệu Quartz Q17 được đựng trong 01 phong bì có dán niêm phong.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/02/2022 giữa Công an huyện Sơn Dương với Chi cục thi Hành án dân sự huyện Sơn Dương)

- Trả lại cho anh Trịnh Đình P. số tiền 420.000 đồng (bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Mạnh H. số tiền 60.000 đồng (sáu mươi nghìn đồng) là tài sản của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội.

Số tiền trên hiện đang được tạm gửi tại tài khoản số 3949.0.1064844.00000 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Sơn Dương mở tại Kho bạc nhà nước huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

5. Căn cứ Điều 48 - Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 - Bộ luật Dân sự.

Các bị cáo Nguyễn Mạnh H, Nguyễn Văn Th. có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Trịnh Đình P. số tiền mua điện thoại là 1.500.000 đồng, trừ đi số tiền anh P. đã được nhận 420.000 đồng (Cơ quan điều tra đã thu giữ và đã được tuyên trả cho anh P.), các bị cáo còn phải trả cho anh P. số tiền 1.080.000 đồng (một triệu không trăm tám mươi nghìn đồng). Cụ thể:

- Bị cáo Nguyễn Mạnh H. phải trả 580.000 đồng (năm trăm tám mươi nghìn đồng), được trừ vào số tiền đã nộp 1.080.000 đồng (một triệu không trăm tám mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000914 ngày 24/02/2022 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Sơn Dương. Bị cáo H. còn được nhận lại số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng).

- Bị cáo Nguyễn Văn Th. phải trả 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000915 ngày 24/02/2022 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Sơn Dương.

Ghi nhận các bị cáo đã hoàn trả xong số tiền 1.080.000 đồng cho anh Trịnh Đình P. Anh Trịnh Đình P. được quyền sở hữu, sử dụng số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) do bị cáo Th. trả tại biên lai thu tiền số 0000915 ngày 24/02/2022 của Chi cục thi Hành án dân sự huyện Sơn Dương và 580.000 đồng (năm trăm tám mươi nghìn đồng) do bị cáo H. trả tại biên lai thu tiền số 0000914 ngày 24/02/2022 của Chi cục thi Hành án dân sự huyện Sơn Dương.

6. Căn cứ vào: Điều 331, Điều 333 - Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Về án phí:

Bị cáo Nguyễn Mạnh H. phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm được trừ vào số tiền 200.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền số 0000914 ngày 24/02/2022 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Sơn Dương. Ghi nhận bị cáo H. đã nộp xong tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn Th. phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm được trừ vào số tiền 200.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền số 0000915 ngày 24/02/2022 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Sơn Dương. Ghi nhận bị cáo Th. đã nộp xong tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người bào chữa cho bị cáo vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TQ;
- VKS ND tỉnh TQ;
- VKS ND huyện SD;
- Cơ quan CSĐT CA huyện SD;
- Chi cục THADS huyện SD;
- UBND xã S, huyện SD;
- UBND xã C, huyện YS;
- Bị cáo;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Hồng Chiến